UNIT SEVEN
MECHANISMS
Cơ cấu

Mechanisms are an important part of everyday life.
Cơ cấu là một phần quan trọng trong cuộc sống hằng ngày.
They allow us to do simple things like switch on lights, turn taps and open doors.
Chúng cho phép chúng ta làm những việc đơn giản như bật đèn, mở vòi nước và mở cửa.
They also make it possible to use escalators and lifts, travel in cars, and fly from continent to continent.
Họ cũng có thể dùng nó cho thang cuốn và thang máy, đi du lịch bằng ô tô và bay từ lục địa này đến lúc địa khác.

Mechanisms play a vital role in industry.
Cơ cấu đóng một vai trò quan trọng trong công nghiệp.
While many industrial processes have electronic control systems, it is still mechanisms that deliver the power to do the work.
Trong khi nhiều quy trình công nghiệp có hệ thống điều khiển điện tử thì nó vẫn là các cơ cấu chuyển năng lượng thành công để hoàn thành nhiệm vụ.
They provide the forces to press steel sheets into car body panels, to lift large components from place to place, to force plastic through dies to make pipes.
Chúng cung cấp lực để ép các tấm thép tạo thành tấm vỏ thân ô tô, nâng các thành phần lớn từ nơi này sang nơi khác, lực ép nhựa qua khuôn để tạo thành các ống.

All mechanisms involve some kinds of motion.
Tất cả cơ cấu liên quan đến một số loại chuyển động.
The four basic kinds of motion are:
Bốn loại chuyển động cơ bản là:

Rotary: wheels, gears and rollers involve rotary movement.

Quay: bánh xe, bánh răng và con lăn liên quan đến chuyển động quay.

Oscillating: the pendulum of the clock oscillates- it swings backwards and forwards.

Dao động: con lắc của đồng hồ dao động – có dao động tới lui.

Linear: the linear movement of paper trimmer is used to cut the edge of the paper.

Tuyến tính: chuyển động tuyến tính của máy xén được sử dụng để cắt cạnh giấy.

Reciprocating: the piston in a combustion engine reciprocates.

Chuyển động qua lại: pit-tông trong động cơ đốt qua lại.

Many mechanisms involve changing one kind of motion into another type.

Nhiều cơ cấu liên quan đến việc thay đổi một loại chuyển động này thành loại khác.

For example, the reciprocating motion of a piston is changed into a rotary motion by the crankshaft, while a cam converts the rotary motion of the engine into the reciprocating motion required to operate the valves.

Ví dụ, chuyển động qua lại của pit-tông được thay đổi thành chuyển động quay của trục khuỷu trong khi cam chuyển đổi chuyển động quay của động cơ thành chuyển động qua lại cần để vận hành các van.

Increase your vocabulary

Tăng vốn từ của bạn

Dealing with technical terms

Xử lý các thuật ngữ kỹ thuật

One of the difficult things about English of engineering is that there are many technical terms to learn.
Một trong những điều khó khăn về tiếng anh của kỹ thuật là có nhiều thuật ngữ kỹ thuật để học.
Newer terms may be the same, or almost the same, in our language.
Các thuật ngữ mới hơn có thể giống nhau hoặc gần như giống nhau trong ngôn ngữ.
But many terms will be quite different and you may not always remember them.

Nhưng nhiều thuật ngữ sẽ khác khác nhau và bạn không phải lúc nào cũng nhớ chúng.
When this happens, you will have to use whatever English you know to make your meaning clear.
Khi điều này xảy ra, bạn sẽ phải sử dụng bất cứ từ tiếng Anh nào bạn biết để làm rõ nghĩa.

The same thing may happen in reverse when you know a technical term but the person you are communicating with does not recognize it.
Điều tương tự có thể xảy ra ngược lại khi bạn biết thuật ngữ kỹ thuật nhưng người bạn giao tiếp không biết nó.
This may happen in the Speaking practice tasks in this book.
Điều này có thể xảy ra trong các bài tập thực hành nói trong sách.
Again, when this happens you will have to make your meaning clear using other words.
Một lần nữa, khi điều này xảy ra bạn sẽ phải làm rõ nghĩa bằng các sử dụng các từ khác.